

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài luận văn

Ở Việt Nam, vấn đề xóa đói giảm nghèo luôn được Đảng, Nhà nước và toàn xã hội quan tâm thực hiện trong suốt quá trình xây dựng xã hội mới và coi đó là nhiệm vụ quan trọng để ổn định và phát triển.

Cùng với các địa phương khác trong cả nước, Thủ đô Hà Nội đã có nhiều cố gắng trong công tác xóa đói, giảm nghèo. Hà Nội đã trở thành một trong số địa phương tiêu biểu, đi đầu của cả nước về thành tựu xóa đói, giảm nghèo. Tính đến năm 2005 về cơ bản Hà Nội không còn hộ đói, tỷ lệ hộ nghèo giảm theo từng năm. Tính đến cuối năm 2007, Hà Nội chỉ còn 2,3% hộ nghèo, hoàn thành vượt mức Nghị quyết thành phố đề ra.

Kể từ 01/8/2008 Thủ đô Hà Nội bước sang thời kỳ phát triển mới với sự mở rộng đáng kể về địa giới hành chính, từ đó cũng có nhiều vấn đề mới đang đặt ra trong đó có vấn đề nghèo. Nếu tính chung cho Hà Nội ngày nay, tỷ lệ hộ nghèo đang ở mức cao: 8,43%. Vì vậy, vấn đề nghèo ở Hà Nội nếu không được nghiên cứu và giải quyết thỏa đáng có thể gây nhiều bức xúc về chính trị, xã hội, kìm hãm sự phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô. Do đó tác giả đã chọn vấn đề “Giảm nghèo tại các huyện ngoại thành Hà Nội trong quá trình đô thị hóa” làm đề tài luận văn thạc sĩ kinh tế của mình.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài của luận văn

Cho đến nay, đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề nghèo nói chung và ở thành phố Hà Nội nói riêng. Tuy vậy, về vấn đề giảm nghèo tại các huyện ngoại thành của Hà Nội sau khi mở rộng địa giới hành chính cho đến nay vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu dưới góc độ kinh tế chính trị.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn.

Mục đích của luận văn là nghiên cứu đánh giá thực trạng nghèo và giảm nghèo trên địa bàn các huyện ngoại thành của Hà Nội, từ đó đề xuất các giải pháp chủ yếu nhằm thúc đẩy và nâng cao hiệu quả công tác giảm nghèo của Thủ đô trong thời gian tới.

Nhiệm vụ của luận văn: khái quát và hệ thống hóa một số vấn đề lý luận và thực tiễn về nghèo và giảm nghèo trong quá trình đô thị hóa, phân tích đánh giá thực trạng giảm nghèo tại các huyện ngoại thành của Hà Nội thời gian từ năm 2000

đến nay, làm rõ những thành công, hạn chế và nguyên nhân; đề xuất những giải pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả công tác giảm nghèo tại các huyện ngoại thành Hà Nội đến 2013 và tầm nhìn 2020.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là vấn đề nghèo và giảm nghèo cùng các quan hệ kinh tế xã hội có liên quan.

Phạm vi nghiên cứu: về không gian bao gồm các huyện ngoại thành Hà Nội; về thời gian từ năm 2000 đến nay.

5. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị làm cơ sở, kết hợp sử dụng các phương pháp tiếp cận hệ thống, tiếp cận lịch sử, coi trọng phương pháp phân tích, tổng hợp dựa trên các số liệu thống kê có sẵn và tự điều tra, kết hợp với so sánh, hệ thống hoá, nhằm rút ra các kết luận và đề xuất cần thiết.

6. Đóng góp của luận văn.

- Hệ thống hoá những vấn đề lý luận cơ về giảm nghèo trong quá trình đô thị hóa

- Đánh giá khách quan thực trạng đói nghèo tại các huyện ngoại thành Hà Nội trong quá trình đô thị hóa trên các phương diện: kết quả, hạn chế và nguyên nhân

- Đề xuất một số giải pháp chủ yếu thực hiện xoá đói giảm nghèo ở các huyện ngoại thành Hà Nội trong thời gian tới.

7. Kết cấu luận văn.

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được kết cấu thành 3 chương, 9 tiết.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ GIẢM NGHÈO TRONG QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HÓA

1.1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ GIẢM NGHÈO TRONG QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HÓA

1.1.1. Quan niệm về vấn đề nghèo

1.1.1.1. Quan niệm của một số tổ chức quốc tế

Hiện nay, trên thế giới có nhiều quan niệm về đói nghèo của các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, tuy nhiên quan niệm của Hội nghị chống đói nghèo khu vực Châu Á Thái Bình Dương, tổ chức tại Băng Cốc – Thái Lan, ESCAP đã đưa ra khái niệm về nghèo khổ thu nhập một cách hệ thống hơn: *“Nghèo là tình trạng một bộ phận dân cư không được hưởng và thoả mãn các nhu cầu cơ bản của con người, mà những nhu cầu này đã được xã hội thừa nhận tùy thuộc vào trình độ phát triển kinh tế - xã hội và phong tục tập quán của đất nước”*

1.1.1.2. Quan niệm của Việt Nam

Các nhà nghiên cứu và quản lý ở nước ta thừa nhận và sử dụng khái niệm nghèo do Uỷ ban Kinh tế- xã hội khu vực châu Á- Thái bình dương (ESCAP) đưa ra nói trên và đây cũng là quan điểm của tác giả luận văn.

1.1.1.3. Quan niệm về chuẩn nghèo

Chuẩn nghèo là tiêu chí để xác định ai là người nghèo trong xã hội. Thông thường chuẩn nghèo *phản ánh mức chi tiêu tối thiểu cần thiết của con người cho việc tham gia các hoạt động trong đời sống kinh tế*. Chuẩn nghèo là một thước đo tương đối, nó được thay đổi theo các điều kiện phát triển kinh tế, xã hội và tập quán tiêu dùng dân cư. Chuẩn nghèo quốc gia được xem như là mức sàn để xác định chuẩn nghèo cho các địa phương khác nhau. Mỗi địa phương căn cứ vào mức sống, nhu cầu chi tiêu, sức mua của đồng tiền, mức lạm phát, vv... có thể có các chuẩn nghèo của riêng mình theo các giai đoạn nhất định.

1.1.2. Những nguyên nhân chủ yếu của tình trạng nghèo trong quá trình đô thị hóa ở Việt Nam

Thứ nhất, nguồn lực để tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh hạn chế và nghèo nàn, đặc biệt là tình trạng nông dân bị thu hồi đất sản xuất nông nghiệp trong quá trình đô thị hóa.

Thứ hai, trình độ học vấn thấp, việc làm thiếu và không ổn định.

Thứ ba, hạn chế về điều kiện tiếp cận với pháp luật, về bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp.

Thứ tư, các nguyên nhân về nhân khẩu học.

Thứ năm, nguy cơ dễ bị tổn thương do ảnh hưởng thiên tai, các rủi ro khác.

Thứ sáu, bất bình đẳng giới ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống của phụ nữ và trẻ em.

Thứ bảy, bệnh tật và sức khỏe yếu kém cũng là yếu tố đẩy con người vào tình trạng nghèo đói trầm trọng

1.1.3. Sự cần thiết phải thực hiện giảm nghèo trong quá trình đô thị hóa

Xóa đói giảm nghèo là yếu tố cơ bản đảm bảo công bằng xã hội và tăng trưởng bền vững. xuất phát từ yêu cầu cơ bản và toàn diện của sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhìn về góc độ kinh tế, xóa đói giảm nghèo là một trong những mục tiêu của tăng trưởng (cả trên góc độ xã hội và kinh tế), đồng thời cũng là một điều kiện (tiền đề) cho tăng trưởng nhanh và bền vững. Nhìn về góc độ xã hội, đói nghèo sẽ dẫn đến những sức ép căng thẳng về xã hội dễ dẫn đến lệ thuộc kinh tế vào các nước giàu. Quá trình đô thị hóa có mặt trái là làm sâu sắc thêm các nguyên nhân dẫn đến đói nghèo và tái nghèo cho một bộ phận dân cư.

1.2. NỘI DUNG CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI GIẢM NGHÈO TRONG QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HÓA

1.2.1 Nội dung công tác giảm nghèo trong quá trình đô thị hóa

Mét lu, tạo điều kiện hỗ trợ cho người nghèo phát triển sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế để tự vươn lên xóa đói giảm nghèo. Đối với bộ phận dân cư buộc phải chuyển đổi nghề nghiệp từ sản xuất nông nghiệp sang các ngành khác trong quá trình đô thị hóa thì các biện pháp hỗ trợ phát triển sản xuất từ phía chính quyền và các tổ chức kinh tế, xã hội lại càng có ý nghĩa quan trọng để giúp họ thoát nghèo và không tái nghèo.

Hai là, Thực hiện tốt công tác tái định cư bằng cách hỗ trợ các hộ buộc phải tái định cư do đô thị hóa nhanh chóng hòa nhập với các điều kiện sản xuất và sinh hoạt mới.

Ba là, xã hội hoá công tác xóa đói giảm nghèo trong quá trình đô thị hóa, nâng cao năng lực lãnh đạo của cán bộ cơ sở; thể chế hoá sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội vào giảm nghèo.

Bền là, tập trung phát triển các loại hình dịch vụ giáo dục, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng. Kết hợp chặt chẽ chương trình xóa đói, giảm nghèo với chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường.

Năm là, bảo đảm tính công khai, minh bạch và làm rõ trách nhiệm trong việc lập kế hoạch, tạo điều kiện để chính quyền địa phương chủ động, người dân bàn bạc, thảo luận, nhằm tạo ra sự đồng thuận và hợp tác.

1.2.2. Các nhân tố ảnh hưởng tới giảm nghèo trong quá trình đô thị hóa

1.2.2.1. Trình độ phát triển kinh tế.

Sự phát triển của kinh tế có vai trò quyết định tới sự phát triển của những lĩnh vực hoạt động xã hội khác, trong đó có giảm nghèo. Trình độ phát triển kinh tế có tác động trực tiếp tới công tác giảm nghèo, tăng trưởng kinh tế và thu nhập của dân cư trong quá trình đô thị hóa, không những tạo điều kiện vật chất cho sự hỗ trợ ngày càng lớn của nhà nước cho người nghèo, mà còn giúp cho người nghèo có thêm thuận lợi để tự vươn lên.

1.2.2.2. Chính sách của Nhà nước

Thứ nhất, nhóm chính sách về tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người nghèo, bao gồm: Chính sách cho vay tín dụng với cơ chế ưu đãi có tác dụng hỗ trợ nguồn lực cho phát triển sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người nghèo; Chính sách hỗ trợ đất sản xuất; Chính sách khuyến nông, khuyến lâm- ngư; Chính sách trợ giá, trợ cước.

Thứ hai, nhóm chính sách hỗ trợ thông qua cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản. Thực tiễn quá trình đô thị hóa ở nước ta thời gian qua cho thấy, địa phương nào có chính sách đô thị hóa gắn với giảm nghèo phù hợp, không những có thể đẩy nhanh quá trình đô thị hóa hiện tại, mà còn tạo điều kiện cho quá trình đô thị hóa tiếp theo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

1.2.2.3. Hội nhập kinh tế quốc tế.

Hội nhập kinh tế quốc tế có tác động hai mặt tới giảm nghèo, vừa mở rộng cơ hội thu hút nguồn lực cho giảm nghèo song cũng có thể làm trầm trọng thêm tình trạng nghèo đói trong quá trình đô thị hóa. Hội nhập kinh tế thúc đẩy quá trình đô thị hóa và do đó có thể làm sâu sắc thêm những nguy cơ gây nghèo và tái nghèo từ quá trình đô thị hóa.

1.2.2.4. Năng lực tự vươn lên thoát nghèo của bản thân người nghèo.

Trình độ học vấn thấp, những tập quán, thói quen canh tác, sản xuất lạc hậu,.. là nhân tố cản trở chuyển đổi nghề nghiệp và kinh doanh hiệu quả, do đó cản trở giảm nghèo trong quá trình đô thị hóa. Nhiều hộ nông dân được nhận khối lượng tiền từ đền bù giải phóng mặt bằng đã không cố gắng chuyển đổi nghề nghiệp mà tiêu sài lãng phí và cuối cùng lại rơi vào tình trạng nghèo sau một thời gian. Một số hộ khác do thiếu kiến thức nên làm ăn bị thua lỗ.

1.3. KINH NGHIỆM VỀ GIẢM NGHÈO Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VÀ BÀI HỌC CHO HÀ NỘI

1.3.1 Kinh nghiệm giảm nghèo ở Thành phố Hồ Chí Minh

- Chỉ đạo quyết liệt, có lộ trình giảm nghèo thích hợp; ưu tiên huy động các nguồn lực đầu tư cho mục tiêu giảm nghèo ở các địa phương.

- Thực hiện tốt các chính sách ưu đãi xã hội như tạo điều kiện cho hộ nghèo ổn định cuộc sống và vượt chuẩn nghèo.

- Chương trình giảm nghèo gắn kết chặt chẽ với Cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư;

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, kiểm tra, giám sát

1.3.2. Bài học về giảm nghèo cho Thủ đô Hà Nội

Thứ nhất, sớm mới cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu giảm nghèo trong quá trình đô thị hóa.

Thứ hai, xác định đúng đối tượng nghèo đói và nguyên nhân cụ thể dẫn đến đói nghèo của từng nhóm dân cư trong quá trình đô thị hóa để triển khai chính sách hỗ trợ giúp đỡ phù hợp

Thứ ba, huy động sự tham gia của các cấp, các ngành vào công tác xóa đói, giảm nghèo đói ở từng địa phương trong quá trình đô thị hóa.

Thứ tư, triển khai và thực hiện càng nhiều biện pháp khác nhau để thực hiện công tác xóa đói, giảm nghèo

Thứ năm, tranh thủ được các nguồn lực nước ngoài cả về mặt vật chất, vốn, kỹ thuật và kinh nghiệm.

Chương 2

THỰC TRẠNG GIẢM NGHÈO TẠI CÁC HUYỆN NGOẠI THÀNH HÀ NỘI GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2000 ĐẾN NAY

2.1. KHÁI QUÁT VỀ TÌNH HÌNH NGHÈO VÀ NGUYÊN NHÂN NGHÈO Ở CÁC HUYỆN NGOẠI THÀNH HÀ NỘI

2.1.1. Khái quát chung về Hà Nội và tình hình nghèo của Hà Nội

Cuối năm 2007 tỷ lệ hộ nghèo tính chung trên địa bàn Hà Nội mới là dưới 5% (trung bình của cả nước -14,87%). Đầu năm 2009, theo chuẩn nghèo mới, toàn Thành phố có: 117.825 hộ nghèo, với 406.232 nhân khẩu, chiếm 8,43% tổng số hộ toàn thành phố. Trong tổng số hộ nghèo có: 39.543 hộ với 147.219 nhân khẩu cận nghèo, chiếm 2,83% so với tổng số hộ dân cư.

2.1.2. Tình hình nghèo tại các huyện ngoại thành Hà Nội trong quá trình đô thị hóa

Các huyện ngoại thành chiếm 90,33% diện tích tự nhiên Hà Nội (3.021,18 km²), 60,34% dân số (3.761.174 người), trong đó dân số nông thôn chiếm 93,92% (3.532.677 người).

Quá trình đô thị hóa tại các huyện ngoại thành đang diễn ra mạnh mẽ với sự hình thành các dự án khu dân cư. Tính tới ngày 31/12/2008, diện tích đất cần phải thu hồi phục vụ cho các dự án tại các huyện ngoại thành Hà Nội là 11,543.04ha (chiếm 85,85% tổng diện tích đất phải thu hồi trên địa bàn Thành phố), trong đó chủ yếu là đất nông nghiệp - 11,424.41 ha (chiếm 98,97% diện tích đất phải thu hồi tại các huyện ngoại thành Hà Nội). Tỷ lệ nghèo trung bình của các huyện ngoại thành vào đầu năm 2009 - 12,19%. Những huyện có tỷ lệ nghèo cao đều nằm khá xa trung tâm Thủ đô. Tác động tiêu cực của việc thu hồi đất nông nghiệp tới tỷ lệ nghèo của các huyện ngoại thành chưa thể hiện rõ. Do đó, đô thị hóa có thể là một trong những nhân tố có tác động tới tình hình nghèo, song chưa phải là nguyên nhân chủ yếu.

2.1.3. Nguyên nhân nghèo tại các huyện ngoại thành Hà Nội

2.1.3.1. Nguyên nhân khách quan

Trước những năm 2000, các vùng ngoại thành Hà Nội có điều kiện kinh tế và cơ sở hạ tầng yếu kém. Trình độ dân trí chưa cao, nguồn vốn tự có trong dân để

phát triển sản xuất còn ít, nông dân còn chưa thích ứng với phát triển sản xuất hàng hoá gắn với cơ chế thị trường, thu nhập chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp là chính, phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ chậm.

Ruộng đất manh mún cản trở áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất theo hướng tập trung và hiện đại hoá nông nghiệp. Ngành nghề phụ phát triển chưa đồng bộ, lao động dư thừa nhiều nên thu nhập của nông hộ hầu hết là rất thấp.

2.1.3.2. Nguyên nhân chủ quan

Năm 2006: tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo do thiếu vốn sản xuất chiếm 81,69%; thiếu kiến thức khoa học kỹ thuật - 43,12%; thiếu việc làm cần hỗ trợ nghề - 28,48%; Hộ thuộc đối tượng chính sách chiếm 5,24 %;

Nguyên nhân tình hình nghèo tại các huyện ngoại thành Hà Nội trong quá trình đô thị hóa: thiếu vốn, thiếu hoặc không có ruộng đất canh tác; thiếu kiến thức khoa học kỹ thuật và phương thức tổ chức sản xuất, không có việc làm ổn định; tình hình thiếu sức lao động hoặc gia đình có người tàn tật, ốm đau hoặc mắc tệ nạn xã hội; gia đình đông con làm tăng tỷ lệ đói nghèo; bất cập trong chính sách của Nhà nước với nông nghiệp, nông thôn; ngoài ra là các yếu tố khác gây nghèo đói như trầy lười lao động, do mắc tệ nạn xã hội, rủi ro trong sản xuất kinh doanh....

Hộ nghèo tại các huyện ngoại thành Hà Nội thường do các tác động bởi một nhóm hoặc nhiều nguyên nhân trên đây gây ra. Vì vậy để thực hiện tốt công tác xoá đói giảm nghèo cần xem xét giải quyết đồng bộ các nguyên nhân cho phù hợp với từng hộ gia đình, từng xã, huyện.

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO Ở CÁC HUYỆN NGOẠI THÀNH HÀ NỘI

2.2.1. Chủ trương và chính sách giảm nghèo của Hà Nội

2.2.1.1. Quan điểm và chủ trương của các cấp bộ Đảng và Chính quyền

Trước 1/8/2008, tại Hà Nội, các quan điểm, chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế – xã hội, xoá đói giảm nghèo đối với các huyện ngoại thành Hà Nội được cụ thể trong: Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII, XIV Đảng bộ Thành phố Hà Nội; Chương trình số 06/CT – TU, của Thành uỷ về phát triển kinh tế ngoại thành Hà Nội và xây dựng nông thôn mới; Nghị quyết số 16/NQ-TU ngày 21/5/2005 của Ban Thường vụ Thành uỷ về việc phát triển kinh tế - xã hội huyện Sóc Sơn.

Ở Hà Tây, Chủ trương xóa đói giảm nghèo cũng được thể hiện trong nhiều văn bản như Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ VIII, IX, X; Chỉ thị số 23/CT-TU ngày 10 tháng 01 năm 1996 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “Về lãnh đạo công tác xóa đói, giảm nghèo”, Nghị quyết 04/NQ của HĐND tỉnh và Quyết định của UBND tỉnh số 1062/QĐ-UB về “Chương trình xóa đói, giảm nghèo”.

Sau ngày điều chỉnh địa giới hành chính (01/08/2008), Thành ủy đã triển khai thực hiện Chương trình hành động số 02-CTr/TU về “Thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn”. UBND Thành phố ban hành Quyết định số 1592/QĐ-UBND về Kế hoạch xóa đói, giảm nghèo giai đoạn 2009 – 2013.

2.2.1.2. Những cơ chế, chính sách cụ thể của Hà Nội về giảm nghèo.

Trước ngày 01/08/2008 các cơ chế chính sách về xóa đói giảm nghèo được thực hiện tương đối riêng rẽ trên địa bàn Hà Nội và Hà Tây.

Tại Hà Nội được cụ thể hoá trong: Nghị quyết số 19/2001/NQ-HĐ ngày 18/7/2001 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 của Thủ đô; Kế hoạch số 09/KH – UB ngày 14/3/2000 của UBND Thành phố; Quyết định số 33/QĐ – UB ngày 04/1/2000 của UBND Thành phố. Quyết định số 171/QĐ – UBND của UBND Thành phố về miễn giảm học phí và 100% các khoản đóng góp khác đối với học sinh nghèo; Kế hoạch số 61/KH – UB ngày 28/8/2004 của UBND Thành phố về phát triển kinh tế xã hội huyện Sóc Sơn, Hà Nội; Quyết định số 5042/QĐ – UBND ngày 05/12/2006 của UBND Thành phố về thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ hộ cận nghèo Thành phố Hà Nội giai đoạn 2006 – 2010. - Ngày 27/12/2007, UBND thành phố Hà Nội đã có Quyết định số 5192/QĐ – UBND về việc phê duyệt đề cương và dự toán kinh phí lập Tiểu đề án giảm hộ nghèo khu vực nông thôn ngoại thành Hà Nội.

Tại Hà Tây, nhiều chính sách đã được thực hiện như đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác xóa đói, giảm nghèo, thực hiện các dự án ngành, làm điểm rồi nhân rộng các mô hình xóa đói, giảm nghèo, các hộ nghèo được tạo điều kiện vay vốn với lãi suất thấp để phát triển sản xuất, đi học và đi lao động nước ngoài. Đảng bộ, chính quyền các cấp và nhân dân còn thực hiện xây dựng nông thôn mới, ngói hóa nhà ở cho hộ nghèo; quan tâm việc học văn hóa, học nghề và khám chữa bệnh cho người nghèo...

Sau ngày 01/08/2008, Thành phố cũng đã ban hành nhiều văn bản đề cập tới vấn đề giảm nghèo như Nghị quyết Số: 07/2008/NQ-HĐND ngày 02/8/2008 “Về nhiệm vụ kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng của thành phố Hà Nội 5 tháng cuối năm 2008”, Nghị quyết Số: 09/2008/NQ-HĐND, ngày 09/12/ 2008 “Về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2009 của thành phố Hà Nội”, Kế hoạch của UBND số 50/KH-UBND ngày 7/4/2009 về “Thực hiện chương trình giảm nghèo Thành phố Hà Nội năm 2009”, Chỉ thị số 23/CT-UBND ngày 17/07/2009 “Về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015”...

2.2.2. Tình hình triển khai thực hiện giảm nghèo tại các huyện ngoại thành.

2.2.2.1. Về công tác tạo điều kiện cho người nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập

Trong sản xuất nông nghiệp: Cơ cấu cây trồng, cơ cấu mùa vụ có sự chuyển biến tích cực theo hướng giảm cây lương thực, tăng diện tích cây công nghiệp ngắn ngày. Chương trình phát triển kinh tế trang trại, kinh tế vườn đồi, phát triển thủy sản và các mô hình sản xuất áp dụng giống mới, áp dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất được đầu tư mở rộng.

Xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển

Hoàn thành nâng cấp cải tạo điện nông thôn; Đầu tư phát triển giao thông ngoại thành; Xây dựng các công trình thủy lợi, cứng hoá kênh mương và cấp nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất kinh doanh; Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho ngành giáo dục.

Tạo điều kiện về vốn cho các hộ nghèo vay phát triển sản xuất

Thông qua Ngân hàng chính sách, uỷ thác nguồn vốn cho các tổ chức chính trị – xã hội, ”Quý vì người nghèo ”... Tổng số hộ nghèo, cận nghèo được vay vốn là 44.292 lượt hộ, với tổng số tiền là 280.945 triệu đồng. Mức vay bình quân từ 4 đến 6 tr đồng /1 hộ, thời gian vay ngắn từ 1 – 2 năm.

2.2.2.2. Về công tác tạo cơ hội để người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội :

- Tạo điều kiện cho các hộ nghèo tiếp cận dịch vụ y tế, giáo dục, pháp lý.

Đầu tư mạng lưới y tế, hệ thống cơ sở khám chữa bệnh trong các huyện ngoại thành; Công tác xã hội hoá giáo dục có nhiều chuyển biến tích cực

- Công tác trợ giúp pháp lý: đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua các buổi tập huấn.... Tổng số trong 5 năm đã trợ giúp pháp lý miễn phí cho trên 5.328 vụ việc đối với người nghèo.

- Nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật và giải quyết việc làm cho người nghèo tại các huyện ngoại thành.

Từ năm 2001 đến nay, từ thành phố đến các xã đã mở được 1479 lớp đào tạo dạy nghề và tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho 35.546 lượt người; bên cạnh đó các tổ chức chính trị – xã hội đã có 1890 lớp tập huấn....Các huyện, xã đã triển khai cho tạo điều kiện cho vay được 756 dự án với số tiền 65,7 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho hơn 37.565 việc làm.

- Hỗ trợ sửa chữa, làm nhà ở cho các hộ nghèo

Đã xây dựng và sửa chữa làm mới nhà ở cho 3.578 hộ nghèo, hộ chính sách (mỗi hộ trị giá từ 5 đến 20 triệu đồng). Với tổng giá trị trên 32 tỷ đồng. Quỹ vì người nghèo đã hỗ trợ xây dựng và sửa chữa nhà ở cho 534 nhà ở cho các hộ nghèo.

- Công tác dân số kế hoạch hoá gia đình

Tỷ lệ sinh bình quân các huyện năm 2001 giảm 1,5%, tỷ lệ sinh con lần thứ 3 giảm xuống còn 10,05% ; đến năm 2004, tỷ lệ sinh giảm 0,08%, tỷ lệ sinh con thứ 3 giảm trở lên giảm 0,31%. ; tỷ lệ suy dinh dưỡng giảm 2,35%.

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố , các cơ quan, đơn vị tham gia hỗ trợ chương trình giảm nghèo: Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc thành phố đã tích cực triển khai các hoạt động hỗ trợ các hộ nghèo trên địa bàn các huyện ngoại thành Hà Nội.

2.2.2.3. Nâng cao năng lực và nhận thức của đội ngũ cán bộ giảm nghèo và truyền thông: đẩy mạnh công tác tuyên truyền các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các chương trình, kế hoạch về xoá đói giảm nghèo của Thành phố.

2.2.3. Hạn chế trong công tác giảm nghèo và nguyên nhân

- Những hạn chế: gồm 8 nội dung cơ bản sau:

+ Hiện nay tỷ lệ hộ nghèo vẫn ở mức cao : 12.19%. Số hộ nghèo các huyện ngoại thành đang chiếm 91,03% tổng số hộ nghèo toàn thành phố.

+ Công tác xây dựng quy hoạch chi tiết của các huyện chậm. Công tác cải cách hành chính còn nhiều lúng túng.

+ Kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng nhu cầu phát triển; chưa có chính sách, môi trường thuận lợi thu hút đầu tư vào khu vực nông nghiệp nông thôn.

+ Do một số hộ nghèo thiếu ý chí vươn lên trong cuộc sống, vì vậy họ rất khó thoát nghèo hoặc dễ bị tái nghèo

+ Chưa phát huy và khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế đất đai, nguồn lao động

+ Chưa có chính sách hỗ trợ, động viên kịp thời đối với cán bộ làm công tác giảm nghèo tại tuyến cơ sở.

+ Việc tuyên truyền, thu hút xã hội hoá trong giảm nghèo chưa thực sự có hiệu quả, còn nặng về hành chính. Nguồn vốn xoá đói, giảm nghèo vận động trong nhân dân còn thấp.

+ Nguồn lực hỗ trợ của các Sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố còn hạn chế. Hệ thống quản lý, chỉ đạo nông nghiệp và phát triển nông thôn còn chông chéo.

- Nguyên nhân của hạn chế.

+ Một số địa phương nhận thức của cấp uỷ Đảng, chính quyền và một số ban, ngành, đoàn thể chưa sâu sắc, đầy đủ về chương trình xoá đói giảm nghèo.

+ Việc theo dõi, quản lý dự án vay vốn ở một số huyện, xã chưa chặt chẽ; công tác chỉ đạo tại một số đơn vị thiếu kiên quyết, rút điếm, hiệu quả.

+ Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh nhưng chưa thực sự bền vững. Kết quả đào tạo nghề, giải quyết việc làm hầu như chỉ mang tính thời vụ.

+ Trình độ dân trí của các hộ nghèo thấp, việc tiếp cận và phát huy khoa học kỹ thuật trong đời sống và phát triển kinh tế còn nhiều hạn chế; tinh thần tự lực, tự cường, tự thân vận động để vươn lên thoát nghèo chưa cao.

Chương 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỨC ĐẨY VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIẢM NGHÈO TẠI CÁC HUYỆN NGOẠI THÀNH HÀ NỘI ĐẾN NĂM 2013 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2020

3.1. BỐI CẢNH TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI THỦ ĐÔ

3.1.1. Về kinh tế

3.1.1.1. Thuận lợi

Một là, Tăng trưởng kinh tế khá cao: so với năm 1985, GDP năm 2005 của Thành phố tăng khoảng 6,4 lần (bình quân tăng 9,7% năm); cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, thu ngân sách tăng trên 10 lần, kim ngạch xuất khẩu tăng 47,4 lần;

Hai là, Hạ tầng đô thị phát triển mạnh theo hướng văn minh, hiện đại. Hoàn thành xây dựng nhiều tuyến đường, tuyến phố, nút giao thông quan trọng; hình thành nhiều khu đô thị mới theo hướng đồng bộ, hiện đại.

Ba là, đã huy động, sử dụng có hiệu quả tiềm năng, nguồn lực; được sự quan tâm lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, sự hợp tác và giúp đỡ của nhân dân cả nước và bạn bè quốc tế.

Bốn là, Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV Đảng bộ Thành phố đề ra: đến năm 2015 Hà Nội cơ bản là thành phố công nghiệp. Đến năm 2020 Thành phố Hà Nội phải trở thành đô thị văn minh, hiện đại.

3.1.1.2. Khó khăn

Một là, ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới và trong nước từ cuối năm 2008.

Hai là, kinh tế ngoại thành vẫn nhiều bất cập. Các ngành công nghiệp nguồn, công nghiệp phụ trợ chưa phát triển.

Ba là, hạn chế về khoa học công nghệ, bất cập về đào tạo, nghiên cứu phát triển ngành, lĩnh vực công nghệ cao.

Bốn là, môi trường đầu tư chưa thật thông thoáng, công tác quản lý nhà nước còn hạn chế, sơ hở. Liên kết, liên doanh với các địa phương khác còn yếu. Thu hút nguồn lực phát triển kinh tế ngoại thành triển khai chưa hiệu quả.

Năm là, Diện tích đất nhiều nhưng hiệu quả khai thác chưa cao. Hệ thống giao thông chưa đáp ứng thực tiễn phát triển của kinh tế. Nhiều vấn đề bức xúc trong nhân dân chưa được quan tâm đúng mức.

3.1.2. Về văn hoá – xã hội

3.1.2.1. Thuận lợi

Hiện nay Hà Nội có 42% xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm xuống còn 14,1%; có 19,8% các trường đạt chuẩn quốc gia, đã phổ cập bậc Trung học phổ thông đạt 75% thanh niên trong độ tuổi. Cơ bản xoá các phòng học cấp 4 (bán kiên cố), ở bậc phổ thông trung học; tỷ lệ học 2 buổi/ngày của học sinh tiểu học đạt 89%; tỷ lệ đầu tư cho giáo dục từ 20% tổng chi ngân sách (năm 2000) tăng lên 22,5% (năm 2005). Chương trình xoá đói giảm nghèo đạt kết quả tích cực, bình quân hàng năm giải quyết việc làm cho hơn 10000 lao động.

3.1.2.2. Khó khăn

Phát triển văn hoá - xã hội của Hà Nội hiện nay đã có nhiều tiến bộ, song chưa tương xứng với vai trò, vị trí của Thủ đô ngàn năm văn hiến. Thể hiện rõ qua các những tồn tại, hạn chế như: Công tác quản lý Nhà nước về văn hoá còn yếu kém; một số quy hoạch, dự án, cơ chế, chính sách chưa đáp ứng với sự phát triển.

3.2. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM GIẢM NGHÈO TẠI CÁC HUYỆN NGOẠI THÀNH HÀ NỘI TRONG NHỮNG NĂM TỚI

3.2.1. Phương hướng giảm nghèo tại các huyện ngoại thành Hà Nội.

Thứ nhất, thực hiện giảm nghèo theo các chương trình, kế hoạch và các giải pháp gắn phát triển kinh tế - xã hội các huyện ngoại thành.

Thứ hai, nâng cao đời sống vật chất, văn hoá và tinh thần của nhân dân, đặc biệt là nông dân trong quá trình đô thị hóa

Thứ ba, tạo thuận lợi cho việc ổn định cuộc sống đối với bộ phận nhân nhân buộc phải tái định cư trong quá trình đô thị hóa.

Thứ tư, giảm nghèo trong quá trình đô thị hóa gắn với sự tăng cường sức mạnh, hiệu quả hoạt động của của hệ thống chính trị, đảm bảo giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong các vùng thực hiện đô thị hóa nói riêng và trên địa bàn toàn bộ Thủ đô Hà Nội nói chung.

3.2.2. Mục tiêu giảm nghèo

3.2.2.1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2013

Đẩy mạnh phát triển kinh tế – xã hội, từng bước cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần đối với hộ nghèo. Tăng cường các biện pháp giảm nghèo bền vững, tránh tái nghèo, hỗ trợ, khuyến khích hộ nghèo vươn lên mức sống khá. Tập trung nguồn lực, giải pháp hỗ trợ hộ nghèo diện chính sách có công, hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có đối tượng BTXH.

3.2.2.2. Các chỉ tiêu giảm nghèo chủ yếu

Giảm tỷ lệ hộ nghèo chung toàn Thành phố từ 1% đến 2%/năm, hạn chế thấp nhất số hộ tái nghèo; Phân đầu đến cuối năm 2013 tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 3%, Thành phố không còn xã nghèo và xã, thôn thuộc Chương trình 135; Năm 2009 – 2010.

3.2.3. Quan điểm giảm nghèo

Luôn đặt nhiệm vụ xoá đói, giảm nghèo các huyện ngoại thành gắn liền với việc xây dựng và phát triển Thủ đô, là việc làm thường xuyên và lâu dài; xoá đói giảm nghèo là sự kết hợp thống nhất giữa kinh tế với xã hội; phát huy tính tự lực, tự chủ, tự vươn lên chính bản thân người nghèo, hộ nghèo; Huy động mọi nguồn lực từ các sở, ban, ngành thành phố đến các nguồn lực của các đơn vị đóng trên địa bàn; xoá đói giảm nghèo để phát triển, phát triển để xoá đói giảm nghèo.

3.3. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

3.3.1. Hoàn thiện cơ chế chính sách về xoá đói, giảm nghèo

Thứ nhất, xây dựng và ban hành các chương trình, kế hoạch đảm bảo tính đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả:

Thứ hai, chính sách hỗ trợ đời sống, học tập, đào tạo nghề và việc làm cho các hộ dân bị thu hồi đất sản xuất nông nghiệp

Thứ ba, chính sách y tế và giáo dục

Thứ tư, chính sách tín dụng ưu đãi cho các hộ nghèo

3.3.2. Phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế Thủ đô kết hợp với xoá đói giảm nghèo

Tập trung hoàn thành quy hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn; Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động; Phát triển đô thị gắn với xây dựng nông thôn; Thực hiện tốt công tác đào tạo nghề, giải quyết việc

làm; Triển khai thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ hộ nghèo: Về hỗ trợ vốn; Về giáo dục; Về y tế.

3.3.3. Huy động các nguồn lực phục vụ xoá đói, giảm nghèo.

Đẩy mạnh các hình thức tuyên truyền, vận động các cấp, các ngành, các đơn vị đóng trên địa bàn và bên ngoài cùng với các tầng lớp nhân dân tham gia giúp đỡ các xã, thôn đặc biệt khó khăn và hộ nghèo, người nghèo; Vận động các tổ chức, các nhân có điều kiện giúp đỡ cụ thể từng xã, thôn, từng hộ nghèo; Đẩy mạnh các phong trào xoá đói giảm nghèo, giúp nhau xoá đói giảm nghèo; tự giúp nhau thoát nghèo, vươn lên làm giàu trong công đồng dân cư; Tăng cường cán bộ cho cơ sở; Kiện toàn củng cố Ban Chỉ đạo xoá đói, giảm nghèo các cấp. Xây dựng chức năng, nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo các cấp, phân công rõ trách nhiệm từng thành viên Ban Chỉ đạo.

3.3.4. Kết hợp xoá đói giảm nghèo với an sinh xã hội

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xoá đói giảm nghèo và an sinh xã hội.

- Kịp thời và chủ động phòng ngừa tái nghèo và có chính sách an sinh xã hội phù hợp, giảm thiểu tác động tiêu cực khi kinh tế - xã hội Thủ đô chịu tác động của hội nhập kinh tế quốc tế.

- Tăng đầu tư và ngân sách cho thực hiện hiệu quả chính sách và các chương trình mục tiêu về phát triển xã hội, an sinh xã hội.

3.3.5. Liên kết phát triển vùng Thủ đô gắn với xoá đói, giảm nghèo

- Phát triển một số trung tâm đô thị, du lịch, nghiên cứu đào tạo và các hoạt động lĩnh vực công nghệ cao, hạn chế công nghiệp tập trung lớn và kiểm soát bảo vệ môi trường.

- Liên kết phát triển kinh tế vùng Thủ đô trở thành động lực cho sự phát triển kinh tế toàn vùng. Hà Nội đi đầu cả nước về giảm nghèo đến năm 2020.

3.4. KIẾN NGHỊ

3.4.1. Đối với Trung ương, Thành phố

Tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các chính sách xã hội nhằm giúp các hộ nghèo đói phát triển sản xuất kinh doanh và khắc phục khó khăn trong cuộc sống như:

+ Chính sách về đất đai theo hướng tăng hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp; xen xét, quy định mức đền bù đất khi nhà nước thu hồi phục vụ các công trình

công cộng, công trình quốc gia và các công trình dân sinh phù hợp với giá thị trường trong từng thời điểm.

+ Ưu tiên đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng ở nông thôn về điện, đường, trường, trạm, các công trình thuỷ lợi, coi đó là biện pháp quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội,

+ Về xã hội: giảm tối đa các khoản đóng góp các khoản chưa cần thiết đối với các vùng nông thôn; có chính sách ưu đãi hơn nữa dành cho nông dân khi vay vốn phát triển sản xuất kinh doanh. Trung ương cần có chính sách hỗ trợ bảo hiểm xã hội việc làm cho người nông dân bị thu hồi đất.

+ Các chính sách khác: đẩy mạnh việc phân cấp cho các địa phương trong điều hành kinh tế - xã hội. Nâng cao trách nhiệm của các địa phương trong việc phát triển kinh tế - xã hội trên, xoá đói giảm nghèo trên địa bàn

+ Trung ương và Thành phố cần có chính sách miễn hoặc giảm thuế hợp lý cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất có dự án hỗ trợ tạo việc làm cho người nghèo. Đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh của cá hộ nghèo cần có chính sách miễn giảm thuế

3.4.2. Đối với các huyện ngoại thành Hà Nội

- Tập trung sự chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền và nâng cao năng lực, nhận thức của các cấp, các ngành, các tổ chức và người dân về chương trình giảm nghèo.

- Thường xuyên tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của Thành phố về giảm nghèo.

- Phát triển kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng dịch vụ - công nghiệp – nông nghiệp. Phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng kết hợp với du lịch sinh thái, phát triển các cây, con có giá trị kinh tế cao.

- Tập trung đầu tư và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn để phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh, ưu tiên các xã nghèo, xã có tỷ lệ hộ nghèo cao.

- Phục hồi và tu bổ, tôn tạo những di tích lịch sử văn hoá trên địa bàn huyện góp phần phát triển du lịch, dịch vụ.

- Các huyện cần đặc biệt quan tâm có những chính sách hỗ trợ phù hợp để đẩy mạnh việc phát triển làng nghề.

- Tại các vùng đô thị hóa cần tích cực phát triển các ngành nghề phi nông nghiệp, tạo điều kiện cho người nông dân có việc làm.

KẾT LUẬN

Quá trình đô thị hóa đã diễn ra việc thu hồi và chuyển mục đích sử dụng một diện tích lớn đất nông nghiệp, có tác động đáng kể tới hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống của một bộ phận không nhỏ dân cư, đặc biệt là nông dân tại các huyện ngoại thành. Nhờ các chính sách và biện pháp tích cực từ phía chính quyền Thành phố, phần lớn các hộ nông dân đã thích ứng với quá trình đô thị hóa, chuyển đổi thành công hoạt động sản xuất kinh doanh và thoát khỏi cảnh nghèo. Thành tựu giảm nghèo tại các huyện ngoại thành đã đóng góp vào thành tựu giảm nghèo và quá trình phát triển kinh tế - xã hội chung của Thành phố.

Bên cạnh đó, công tác giảm nghèo tại các huyện ngoại thành vẫn còn không ít những hạn chế. Để đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác giảm nghèo tại các huyện ngoại thành của Hà Nội trong thời gian tới phải thực hiện đồng bộ các giải pháp như tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách về giảm nghèo, gắn phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế Thủ đô với giảm nghèo, tăng cường huy động các nguồn lực phục vụ giảm nghèo, kết hợp giảm nghèo với đảm bảo an sinh xã hội, liên kết phát triển vùng Thủ đô gắn với giảm nghèo.